

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN**

QUẢNG NINH, THÁNG 01 NĂM 2015

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. Tổng quan

1. Giới thiệu về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH 1 THÀNH VIÊN CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN**
- Tên tiếng Anh : VINACOMIN - SHIPBUILDING AND MECHANICAL COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt tiếng Anh : VINCOMIN - SHIPBUILDING CO., LTD
- Tên rút gọn tiếng Việt : **Công ty Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin**
- Địa chỉ : Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : 033 384 6436
- Fax : 033 384 5661
- Mã số thuế : 5700479764
- Website : www.dongtautkv.com.vn
- Email : vsbc@yahoo.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5700479764 đăng ký lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần 2 ngày 23/07/2012.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long. Công ty được thành lập theo Quyết định số 426/QĐ-UB ngày 11/03/1993 của UBND tỉnh Quảng Ninh về thành lập Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long.

- Theo văn bản số 69/CP-ĐMDN ngày 08/1/2004 của Chính phủ, Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long được chuyển về làm doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty Than Việt Nam. Ngày 09/01/2004 Bộ Công nghiệp có Quyết định số 06/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long về làm doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Than Việt Nam

- Tại Quyết định số 93/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2004 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam Xí nghiệp Đóng tàu Hạ Long được

chuyển thành Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam

- Tại Quyết định số 2464/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV

- Ngày 15/06/2010 Bộ Công thương có Quyết định số 3126/QĐ-BCT về việc chuyển Công ty Cơ khí Đóng tàu - TKV thành Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 314/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 theo đó Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin là một trong những đơn vị sẽ thực hiện cổ phần hóa chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Ngày 06/03/2014 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 398/QĐ - Vinacomin về việc cổ phần hóa Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin.

- Từ ngày 01/4/2014 Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin đang tiến hành các thủ tục cổ phần hóa theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 5700479764 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 30/06/2010 thay đổi lần thứ 02 ngày 23/07/2012, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Vận tải hàng hóa, đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dao kéo; dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;

4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Đóng mới các loại phương tiện thủy, tàu chở hàng hóa, chở than, tàu du lịch
- Sửa chữa tàu, các loại phương tiện thủy
- Sản phẩm cơ khí mở : Băng tải, kết cấu phi tiêu chuẩn nhà máy tuyển than, xích cầu máng cào, sửa chữa các gầu máy xúc và các thùng ben chứa đất đá các xe vận tải mỏ.
- Uốn vì thép chống lò, phụ kiện vì chống lò
- Cho thuê kho, bãi, bến cảng
- Bốc xếp hàng hóa qua cảng biển

5. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

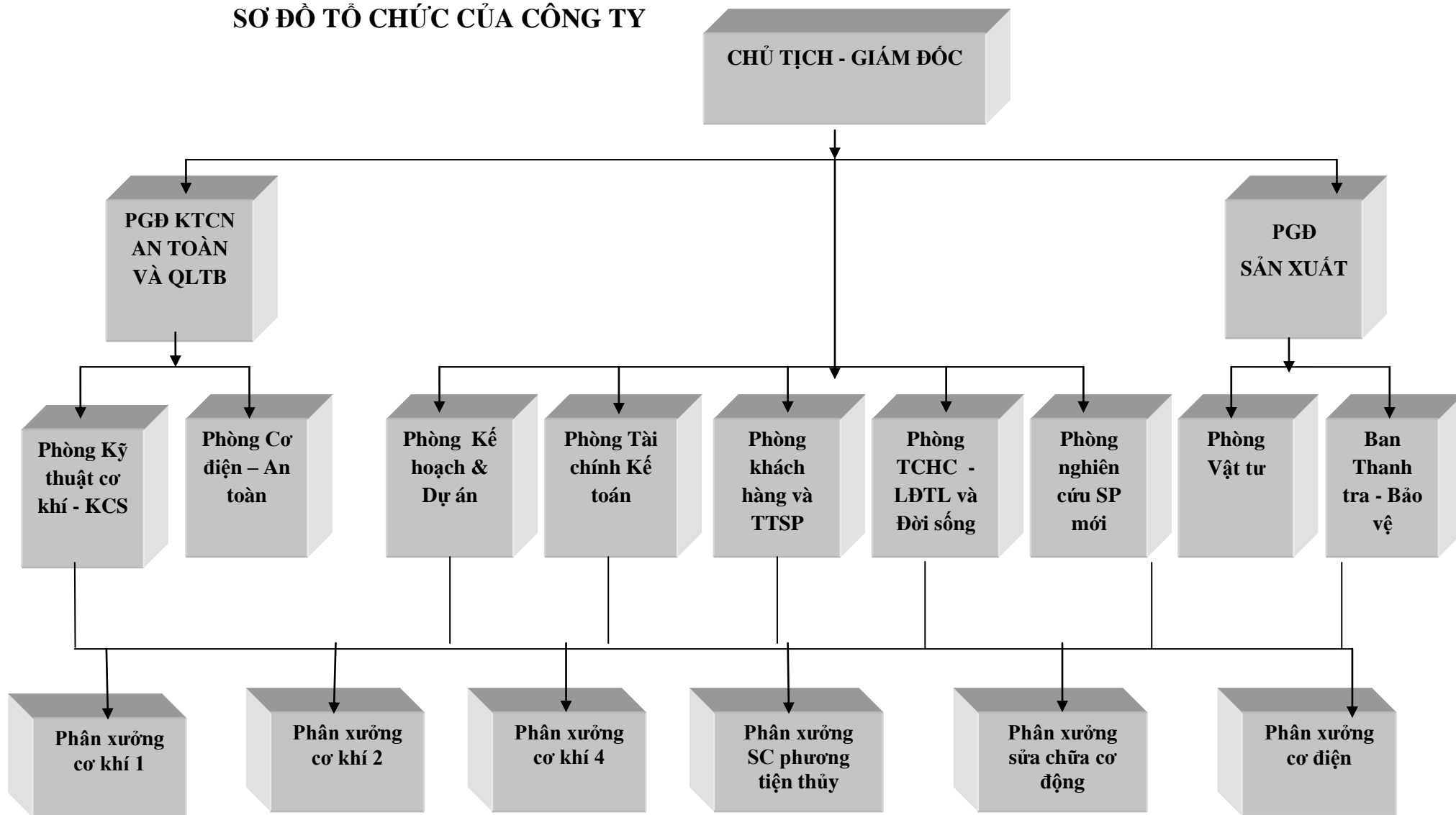
a. Mô hình quản lý của công ty

- Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin thực hiện theo mô hình Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty

b. Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự hiện nay:

- b.1 Chủ tịch Công ty : 01 người (kiêm Giám đốc Công ty)
- b.2 Kiểm soát viên : 01 người (do Tập đoàn cử)
- b.2 Ban điều hành : 04 người
 - Giám đốc : 01 (là Chủ tịch C.Ty)
 - Phó giám đốc : 02 người
 - Kế Toán trưởng
- b.3 Các phòng ban chức năng
 - Phòng kỹ thuật cơ khí & KCS (5 người)
 - Phòng Cơ điện & An toàn (2 người)
 - Phòng Vật tư & giá thành (5 người)
 - Phòng Kế hoạch & Dự án (3 người)
 - Phòng Tài chính kế toán (5 người)
 - Phòng Khách hàng và tiêu thụ sản phẩm (5 người)
 - Phòng Tổ chức hành chính & Tiền lương và Đời sống (20 người)
 - Phòng nghiên cứu sản phẩm mới (3 người)
 - Ban Bảo vệ (14 người)
- b.4 Các phân xưởng trực thuộc
 Tổng số có 6 phân xưởng trực thuộc, trong đó có: 3 phân xưởng cơ khí, 1 phân xưởng sửa chữa thủy, 1 phân xưởng sửa chữa cơ động và 1 phân xưởng cơ điện

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY



6. Phân loại và thực trạng về lao động

- Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/4/2014.

Tiêu chí	Số lượng	%
I - Theo trình độ lao động	350	100
- Trên đại học	1	0,29
- Đại học	51	14,57
- Trung cấp, cao đẳng	20	5,71
- LĐ phổ thông	36	10,29
- Công nhân kỹ thuật	242	69,14
II - Phân theo HĐ lao động	350	100
- HĐ không xác định thời hạn	296	84,58
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	06	1,71
- HĐ thời vụ	48	13,71
III - Phân theo giới tính	350	100
- Nam	272	77,71
- Nữ	78	22,29

- Tại thời điểm Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu – Vinacomin 31/12/2014, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 284 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng	%
I- Theo trình độ lao động	284	100
- Trên đại học	1	0,35
- Đại học	45	15,85
- Trung cấp, cao đẳng	17	6
- LĐ phổ thông	26	9,14
- Công nhân kỹ thuật	195	68,66
II - Phân theo HĐ lao động	284	100
- HĐ không xác định thời hạn	274	97,89
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	02	0,7
- HĐ thời vụ	04	1,4

III - Phân theo giới tính	284	100
- Nam	269	74,65
- Nữ	72	25,35

- Nhìn chung, cơ cấu lao động của Công ty phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty

(Chi tiết danh sách lao động có mặt tại thời điểm Tập đoàn phê duyệt giá trị doanh nghiệp xem chi tiết phụ lục kèm theo).

7. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa

a. Tình hình hoạt động kinh doanh

Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ của Công ty qua các năm:

Cơ cấu sản lượng, doanh thu 3 năm trước cổ phần hóa:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Các sản phẩm chủ yếu				
1.1	Sửa chữa tàu thuyền	Chiếc	63,00	51,00	56,00
-	Tàu đẩy, tàu kéo	"	31,00	18,00	21,00
-	Sà lan các loại	"	31,00	19,00	24,00
-	Tàu Hoa tiêu	"	-	1,00	-
-	Tàu hàng 2000T-5000T	"	-	5,00	4,00
-	Tàu du lịch các loại	"	-	5,00	5,00
-	Pon ton	"	1,00	3,00	2,00
1.2	Đóng mới tàu thuyền	Chiếc	11,00	2,22	3,96
-	Phao neo	"	6,00	-	-
-	Đoàn sà lan	"	5,00	-	-
-	Tàu du lịch vỏ sắt	"	-	2,00	1,00
-	Tàu Sông Ninh 03	"	-	-	0,20
-	Tàu An Bình	"	-	0,04	0,42
-	Tàu Đại Hồng Phú	"	-	0,16	0,48
-	Tàu số 10-8800-03	"	-	0,02	0,32
-	Tàu hàng 12500T	"	-	-	0,54
-	Nhà hàng nổi P300	"	-	-	1,00
1.3	Cơ khí mô				
-	Sản xuất vít chống thép	Tấn	-	2.681	13.753
-	Sản xuất cầu máng cào	Bộ	-	-	1.080
2	Doanh thu	Đồng	182.167.117.571	220.932.559.875	439.034.865.419
-	Sửa chữa tàu thuyền	"	24.417.216.273	22.654.280.674	25.472.003.397
-	Đóng mới tàu thuyền	"	142.163.347.420	131.108.205.852	123.602.101.808

-	Sản xuất vì chống thép	"	-	49.463.948.848	246.338.344.573
-	Cơ khí mô và khác	"	15.586.553.878	17.706.124.501	43.622.415.641
3	Tổng chi phí	Đồng	184.945.334.563	245.565.118.704	430.193.443.659
-	Giá vốn hàng bán	"	158.665.797.323	185.826.943.372	377.175.517.768
-	Chi phí bán hàng	"	545.984.071	109.667.123	3.159.731.283
-	Chi phí quản lý DN	"	4.575.392.456	9.069.220.081	5.626.129.121
-	Chi phí tài chính	"	19.674.749.831	12.203.009.273	25.275.624.814
-	Chi phí khác	"	1.483.410.882	38.356.278.855	18.956.440.673
4	Lợi nhuận thực hiện	Đồng	(2.778.216.992)	(24.632.558.829)	8.841.421.760

Nguyên vật liệu, và sự ổn định của nguồn nguyên liệu

- Trong những năm qua, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, nền kinh tế đất nước cũng chịu ảnh hưởng suy giảm kinh tế toàn cầu, giá cả nguyên vật liệu liên tục biến động bất thường. Sự biến động của nguồn nguyên liệu của Công ty chịu sự ảnh hưởng biến động của giá cả xăng dầu, điện (đây là nguồn nguyên liệu chịu sự biến động liên tục). Giá cả nguyên vật liệu, nhiên liệu biến động tăng giảm sẽ làm ảnh hưởng đến tình hình SXKD và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, do nguồn nguyên liệu của Công ty được cung cấp bởi các khách hàng truyền thống, có mối quan hệ lâu dài nên sự ổn định giá cả nguyên vật liệu là tương đối. Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng được định mức dự trữ nguyên nhiên liệu phù hợp nên đảm bảo duy trì sản xuất diễn ra liên tục khi nền kinh tế có sự biến động lớn về giá cả nguyên vật liệu.

Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí SXKD của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa (2011-2013)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	158.666	85,79%	185.827	75,67%	377.176	87,68%
Chi phí bán hàng	546	0,30%	110	0,04%	3.160	0,73%
Chi phí quản lý DN	4.575	2,47%	9.069	3,69%	5.626	1,31%
Chi phí tài chính	19.675	10,64%	12.203	4,97%	25.276	5,88%
Chi phí khác	1.483	0,80%	38.356	15,62%	18.956	4,41%
Tổng	184.945	100,00%	245.565	100,00%	430.193	100,00%

Do hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất nên tỷ lệ giá vốn hàng hóa dịch vụ trên tổng chi phí SXKD của Công ty chiếm tỷ trọng lớn. Giá vốn có xu hướng tăng từ năm 2011 và biến động cùng với tốc độ của doanh thu.

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý nhằm kiểm soát các khoản chi phí tiết kiệm để đảm bảo tỷ lệ chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên một đồng doanh thu sẽ giảm xuống, làm tăng hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

Trình độ công nghệ

Hiện nay Công ty đang từng bước thay đổi công nghệ trong SXKD phục vụ cho các mỏ, trong hoạt động đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy. Công ty đã sử dụng những thiết bị công nghệ mới làm tăng năng suất lao động, cụ thể như: Cần cầu chân đế 50 tấn, Cần cầu QY 50 tấn; Dây truyền làm sạch kim loại bằng phun bi, cầu dầm 32 tấn, máy cắt hơi tự động; máy lọc xà, máy ép thủy lực 100 tấn đến 250 tấn....

Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới

Công ty đang từng bước ứng dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật, đồng thời dựa trên cơ sở năng lực hiện có để nghiên cứu các sản phẩm mới. Các sản phẩm mới của Công ty phải kể đến như: Sản xuất băng tải nhỏ cung cấp cho các mỏ, Sản xuất cầu máng, cầu máng cào các loại, Sản xuất xích máng cào, Chế tạo kết cấu phi tiêu chuẩn cho các Hệ thống vận tải, chế biến than khoáng sản.

Hoạt động Marketing

Bên cạnh xây dựng nhãn hiệu, Công ty đã từng bước thực hiện các hoạt động marketing đối với toàn bộ hoạt động kinh doanh của mình như: Chào hàng dùng thử nhằm giới thiệu sản phẩm cho các mỏ than và tích cực cho đội ngũ nhân viên tiếp thị giới thiệu năng lực của nhà máy nên đã nhận được nhiều hợp đồng đóng tàu tư nhân.

Phân tích vị thế Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực dịch vụ:

Điểm mạnh	Điểm yếu
Công ty hoạt động theo cơ chế điều hành của Tập đoàn, có lợi thế khi được thực hiện nhiệm vụ hậu cần, cung ứng vật tư phục vụ sản xuất cho toàn ngành. Sản phẩm dịch vụ của Công ty khá đa dạng. Khách hàng của Công ty hầu hết là các đơn vị trong ngành nên quan hệ đối tác khá bền vững.	Dễ bị tác động (tồn thương) khi ngành Than – Khoáng sản phát triển hay suy thoái Công ty có đặc thù kinh doanh thương mại nên nhu cầu sử dụng vốn lưu động ở mức lớn, chi phí tài chính cao, nguy cơ rủi ro tài chính nhiều hơn so với các đơn vị trong ngành. Giá trị tài sản cố định là hạ tầng cơ sở, nhà cửa vật kiến trúc nhiều, tuy nhiên hiệu quả sử dụng thấp, chưa có khả năng khai thác hết các lợi thế
Hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong sự phát triển của ngành than – Khoáng sản; trong bối cảnh kinh tế xã hội diễn biến nhanh và phức tạp thì Than là mặt hàng năng lượng chiến lược luôn được Chính phủ coi trọng và có giải pháp duy trì, ổn định trong khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên này.	Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố khách quan: biến động thị trường (giá cả, lãi suất...), biến động quy mô sản xuất của ngành...

	Hoạt động sản xuất của Công ty chịu sự tác động của tỷ giá => ảnh hưởng giá nguyên liệu => ảnh hưởng giá thành sản phẩm...
--	--

Nhãn hiệu thương mại

Công ty đang trong quá trình xây dựng nhãn hiệu thương mại cho Công ty

Các hợp đồng lớn

Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết tính đến thời điểm 31/12/2014

Số hợp đồng	Loại hợp đồng	Đối tác hợp đồng	Doanh thu
01/HĐ-KT	Nguyên tắc	Công ty Cổ phần than Hà Lâm	95.000.000.000
1064/HĐ-KHZ	Nguyên tắc	Công ty Cổ phần than Vàng Danh	125.000.000.000
25/HĐ-VHGC-CKĐT	Nguyên tắc	Công ty than Hòn Gai	100.000.000.000
18/HĐ 2014/ĐTHL-Vinacomin	Kinh tế	Công ty TNHH XNK và đầu tư Hạ Long	5.000.000.000
1064/HĐ-KHZ	Nguyên tắc	Công ty TNHH 1TV Than Uông Bí	12.000.000.000
324/2014/HĐ-KH	Kinh tế	Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả	17.359.000.000
376/2014/TKV-CKĐT-HTĐL	Kinh tế	Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam	85.000.000.000
26/HDD/PN-VSBC	Kinh tế	Công ty CP xây lắp và cơ khí Phương Nam	6.700.000.000
33/ĐB-CKĐT/2013	Kinh tế	Tổng công ty Đông Bắc	38.526.000.000
	Kinh tế	Các Hợp đồng khác ngoài TKV	3.824.000.000

b. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa (2011 - 2013)

Tình hình tài chính và kết quả SXKD trong 3 năm trước cổ phần hóa của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin được thể hiện qua bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Ước TH 2014
1	Tổng giá trị tài sản bình quân	Tr.đ	585.062	485.396	591.973	512.770
2	Vốn nhà nước bình quân	Tr.đ	40.602	39.577	32.501	37.689
3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tr.đ	53.078	53.000	53.000	53.000
4	Nợ phải trả	Tr.đ	534.136	487.396	591.973	475.081
5	Vốn bằng tiền	Tr.đ	2.539	1.141	1.035	1.566
6	Nợ vay ngắn hạn 31/12	Tr.đ	242.852	218.188	329.467	79.300

	<i>Trong đó quá hạn</i>	Tr.đ				
7	Nợ dài hạn	Tr.đ	291.284	238.981	225.730	230.351
	<i>Trong đó quá hạn</i>	Tr.đ				
8	Nợ phải thu khó đòi 31/12	Tr.đ	1.631	3.814	3.814	3.774
9	Tổng số lao động	ng	455	372	367	355
10	Tổng quỹ lương	Tr.đ	13.156	15.584	21.309	24.388
11	Thu nhập BQ đồng/người/tháng		3.029.000	3.491.039	4.838.556	5.725
12	Tổng doanh thu	Tr.đ	182.166	220.933	439.035	537.735
13	Tổng chi phí	Tr.đ	184.944	245.566	430.194	536.499
14	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đ	(2.778)	(24.633)	8.841	1.236
15	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	(2.778)	(24.633)	8.841	1.236
16	Tỷ suất LNST/vốn nhà nước		(0,0684)	(0,6224)	0,2720	3,4
17	Hệ số nợ phải trả trên vốn CSH		10	9,2	11	8,95

(Theo số liệu BCTC đã được kiểm toán)

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước thấp, năm 2011 và 2012 tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước âm. Trong năm 2012 Công ty phát sinh 3 khoản chi phí bất thường liên quan đến Công ty CP Vận tải thủy là 20,78 tỷ đồng do phạt tiền độ hợp đồng đóng tàu 7000T năm 2011, liên quan đến giảm trừ doanh thu tàu 8800 DWT S10 năm 2011 là 3,25 tỷ, liên quan đến giảm trừ doanh thu năm 2010, 2011 là 0,63 t ỷ.

- Năm 2013, 2014 hoạt động kinh doanh của Công ty có lãi.

- Doanh thu của Công ty trong 3 năm từ 2011 đến 2013 có tăng trưởng mạnh (năm 2012 tăng so với năm 2011 là 22%, năm 2013 so với năm 2012 tăng trưởng 105%) năm 2014 tăng 22,3% so với năm 2013.

- Giá trị đầu tư (đầu tư tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản dở dang lớn) trong khi nguồn vốn kinh doanh thấp dẫn tới Công ty phải đi vay nợ nhiều (vay ngắn hạn và dài hạn ngân hàng) dẫn tới chi phí lãi vay công ty phải chịu hàng năm lớn, đây cũng là một nguyên nhân làm cho hiệu quả kinh doanh của Công ty thấp do phải chịu chi phí lãi vay hàng năm lớn.

- Cơ cấu nợ trên vốn chủ sở hữu quá lớn làm Công ty mất cân đối nguồn nghiêm trọng, hoạt động của Công ty phụ thuộc vào các nguồn vốn tài trợ từ bên ngoài (vốn vay, công nợ chiếm dụng). Do đó, bất kỳ một chính sách nào từ phía khách hàng liên quan đến công nợ đều ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

c. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty

Thuận lợi

- Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin là đơn vị phục vụ phụ trợ hậu cần cho các hoạt động sản xuất Than của TKV. Công ty thực hiện nhiệm vụ cung ứng hàng hóa, vật tư, thiết bị và các dịch vụ cơ khí cho các đơn vị trong Tập đoàn Vinacomin. Đây được coi là lợi thế của Công ty so với các đơn vị cùng ngành nghề kinh doanh nhưng nằm ngoài Tập đoàn Vinacomin.

- Với trên 50 năm hoạt động, Công ty đã xây dựng được uy tín đối với khách hàng..

Khó khăn

- Khó khăn chung của nền kinh tế trong thời gian qua chịu sự ảnh hưởng bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Thị trường tiêu thụ hàng hóa bị thu hẹp, hàng tồn kho ở mức cao, sức mua trong dân giảm. Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng ở mức đáng lo ngại. Những khó khăn của nền kinh tế thế giới và trong nước có ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình SXKD của Công ty.

- Tình hình SXKD của Tập đoàn Vinacomin hiện đang gặp khó khăn, sau những năm giá bán than ở mức cao thì sang năm 2013 giá than trên thị trường thế giới đã và đang sụt giảm mạnh. Điều này đã làm cho lượng than tồn kho tăng cao, giá thành cao hơn giá bán. Vì các sản phẩm của Công ty một phần cung ứng cho ngành than nên hoạt động SXKD của Công ty chịu ảnh hưởng rất nhiều;

- Do ảnh hưởng của tình hình biến động giá xăng dầu thế giới, ngành vận tải biển trong thời gian qua sụt giảm mạnh, do đó ảnh hưởng đến các hoạt động đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy của Công ty

- Công nợ phải thu cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình SXKD của Công ty. Do tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, giá cước vận tải thấp nguồn thu của các chủ tàu giảm sút dẫn tới khả năng thanh toán các khoản công nợ của khách hàng đóng tàu cũng giảm theo, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn vốn kinh doanh của Công ty. Tỷ lệ công nợ phải thu/Tổng giá trị tài sản của Công ty chiếm tỷ trọng lớn, tại thời điểm cuối năm 2011 là 31,4%, năm 2012 là 18% và 2013 là 28%. Do công nợ phải thu cao nên để đảm bảo phục vụ SXKD, Công ty phải vay vốn ngắn hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, do đó chi phí tài chính tăng làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

II - Thực trạng doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/4/2014

1. Thực trạng về tài sản

Tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán tại ngày 31/03/2014 đã được cơ quan thuế xác nhận là: 636.752.434.166 đồng, bao gồm:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Loại tài sản	Nguyên giá	Khấu hao (dự phòng)	GTCL	Tỷ lệ
A	Tài sản ngắn hạn			336.998	52,92%
1	Vốn bằng tiền			1.889	0,30%
2	Các khoản phải thu			190.694	29,95%
3	Hàng tồn kho			140.024	21,99%
4	Tài sản ngắn hạn khác			4.390	0,69%
B	Tài sản dài hạn			299.754	47,08%

1	Phải thu khách hàng dài hạn			3.774	0,59%
2	Tài sản cố định hữu hình	346.554	208.588	137.966	21,67%
	- Nhà cửa vật kiến trúc	218.343	101.465	116.878	18,36%
	- Máy móc thiết bị	91.912	72.059	19.853	3,12%
	- Phương tiện vận tải	36.300	35.064	1.236	0,19%
3	Xây dựng cơ bản dở dang			157.840	24,79%
4	Tài sản dài hạn khác			174	0,03%
	Tổng			636.752	100%

- **Nhà cửa vật kiến trúc:** Chủ yếu là văn phòng làm việc của Công ty, nhà xưởng sản xuất (Phân xưởng xử lý tôn, phân xưởng cơ khí điện, nhà phân xưởng máy, nhà phân xưởng vỏ...); triển tàu, Đặc điểm nhà cửa vật kiến trúc tại Công ty là giá trị đầu tư lớn, chủ yếu phục vụ công tác đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, trong những năm gần đây lợi nhuận từ đóng tàu mang lại chưa tương xứng với giá trị tài sản là nhà cửa vật kiến trúc mà Công ty đầu tư cho hoạt động đóng tàu, việc này bắt nguồn từ những khó khăn chung của nền kinh tế đóng tàu Việt Nam nói chung và Công ty Cơ khí Đóng tàu nói riêng. Tuy nhiên, Công ty đánh giá rằng với hệ thống tài sản là nhà cửa vật kiến trúc như hiện tại, Công ty có thể đáp ứng được những hợp đồng đóng tàu có giá trị lớn trong tương lai.

- **Máy móc thiết bị:** Máy móc thiết bị của Công ty chủ yếu là máy móc thiết bị phục vụ sản xuất cơ khí, sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy (máy tiện, máy hàn, kích thủy lực, cầu trục, máy tiện....). Phần lớn máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư trong khoảng 10 năm trở lại đây

- **Phương tiện vận tải:** Gồm hệ thống xe nâng hàng, nâng người làm việc, xe cầu, ô tô tải và phương tiện vận tải phục vụ công tác quản lý trong Công ty

Tình hình sử dụng đất đai của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu như sau:

Loại đất	Diện tích (m²)
- Diện tích đất tại KCN Cái Lân, Hạ Long, Quảng Ninh	156.700
- Diện tích đất tại Cái Răm, Hạ Long, Quảng Ninh	667
Tổng	157.367

Trong đó:

(1) Khu công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long: Hợp đồng thuê đất số 424/HĐTĐ ngày 09 tháng 12 năm 2013 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomim.

(2) Khu Cái Dăm, phường Bãi cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh: Hợp đồng thuê đất số 151/ HĐ/TĐ ngày 23/5/2014 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomim.

Toàn bộ diện tích đất đai Công ty đang sử dụng, Công ty sẽ tiếp tục có nhu cầu sử dụng khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty sẽ hoàn thiện các thủ tục theo quy định để tiếp tục thuê đất với hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

2 - Thực trạng về tài chính, công nợ

- Thực trạng tình hình tài chính, công nợ của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/4/2014 theo số liệu sổ sách kế toán (đã điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế), cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Triệu,đ)	Tỷ lệ
A	Vốn chủ sở hữu	35.228	100%
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	53.000	150,45%
2	Vốn khác của chủ sở hữu	79	0,22%
3	Quỹ đầu tư phát triển	626	1,78%
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(18.477)	(52,45)%
B	Các khoản nợ	599.965	100%
B.1	Nợ ngắn hạn		
1	Vay và nợ ngắn hạn	65.619	10,94%
2	Phải trả người bán	291.936	48,66%
3	Người mua trả tiền trước	113	0,02%
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	359	0,06%
5	Phải trả người lao động	1.989	0,33%
6	Chi phí phải trả	14.903	2,48%
7	Phải trả nội bộ	14	0,00%
8	Các khoản phải trả phải nộp khác	4.880	0,81%
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi,	780	0,13%
B.2	Nợ dài hạn		
1	Vay dài hạn	218.868	36,48%
2	Doanh thu chưa thực hiện	503	0,08%

- Do đặc thù hoạt động của Công ty trong lĩnh vực cơ khí và đóng tàu, trong những năm vừa qua ngành cơ khí và đóng tàu đứng trước những khó khăn vô cùng lớn. Ngành đóng tàu Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh đóng tàu của Công ty nói riêng trong những năm qua chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế thế giới. Ngành công nghiệp phụ trợ hỗ trợ đóng tàu Việt Nam chưa phát triển tương xứng, nguyên liệu và thiết bị phục vụ đóng tàu chủ yếu là nhập khẩu nên giá trị đóng tàu của Việt Nam nói chung và Cơ khí Đóng tàu nói riêng hầu như không đáng kể, trong khi đó chi phí đầu tư cho sản xuất đóng tàu tương đối lớn. Với nguồn vốn kinh doanh hạn hẹp (chỉ có 53 tỷ đồng) để xây dựng được hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho ngành đóng tàu, Công ty buộc phải huy động các nguồn vay và chiếm dụng vốn của các đối tác thông qua các khoản công nợ phải trả. Có thể thấy trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty thì vay và nợ phải trả chiếm phần lớn trong tổng nguồn vốn. Tại thời điểm 31/03/2014, tổng các khoản vay, nợ

phải trả gấp 17 lần vốn chủ sở hữu của Công ty. Đây thực sự là thách thức lớn đối với Công ty trong giai đoạn các năm sau thực hiện cổ phần hóa.

III - Những vấn đề cần tiếp tục xử lý

1. Về phương án sử dụng đất

- Công ty đã có văn bản số 99/TCHC ngày 24/3/2014 gửi UBND tỉnh và Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh về phương án sử dụng đất. Đến thời điểm 31/12/2014 UBND tỉnh Quảng Ninh chưa có công văn trả lời về phương án sử dụng đất do Công ty trình.

- Đối với các khu đất đang quản lý sử dụng, Công ty sẽ tiến hành các thủ tục để ký tiếp hợp đồng thuê đất và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các mảnh đất này khi chính thức chuyển sang Công ty cổ phần.

Loại đất	Diện tích (m²)
- Diện tích đất tại KCN Cái Lân, Hạ Long, Quảng Ninh	156.700
- Diện tích đất tại Cái Răm, Hạ Long, Quảng Ninh	667
Tổng	157.367

2. Về vật tư, thiết bị không cần dùng:

- Bàn giao lại cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam số lượng vật tư tồn kho không có nhu cầu sử dụng (không tính vào giá trị doanh nghiệp) khi chuyển sang Công ty cổ phần với tổng giá trị là: 3.056.550.823 đồng theo Quyết định số: 2829/QĐ-TKV ngày 31/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin để cổ phần hóa (thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2014).

3. Về Công nợ phải thu:

- Tổng nợ phải thu khó đòi trả lại nhà nước, bàn giao lại cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam 3.773.514.752 đồng (gồm 2 đối tượng có đầy đủ hồ sơ) theo Quyết định số: 2829/QĐ-TKV ngày 31/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin để cổ phần hóa (thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2014).

4. Về chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

- Bàn giao lại cho Tập đoàn khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2014: Hiện nay tài sản của Công ty Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin còn tồn tại một số hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản dở dang thuộc dự án Đầu tư, di chuyển, mở rộng, nâng cấp cơ sở đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt nam (nay là Công ty Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin) theo quyết định số 1359/QĐ-HĐQT ngày 26/7/2006 của Hội đồng quản trị Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam và quyết định số 1395/QĐ-VINACOMIN ngày 19/6/2012 của Tổng giám đốc Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam về việc điều chỉnh dự án: Đầu tư, di chuyển, mở rộng, nâng cấp cơ sở đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt nam (nay là Công ty Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin). Những công trình này chưa hoàn thành nhưng đã dừng thi công và

quyết toán nhưng sẽ không cần dùng khi chuyển sang công ty cổ phần cụ thể gồm các hạng mục:

STT	Hạng mục không cần dùng	Giá trị
1	- Đà tàu 15000 DWT	74.707.399.603
2	- Kè và bãi lắp ráp khu vực đà tàu	64.512.950.977
3	- Hệ thống cung cấp điện GD 2	7.028.439.902
4	- Nhà phân xưởng máy	5.429.109.372
5	- Cầu tàu 15.000 DWT	575.409.051
6	- Tư vấn quản lý dự án	4.103.552.627
7	- Chi phí khác của dự án	1.483.209.847
	Tổng cộng	157.840.071.379

+ Đây là các công trình phục vụ cho đóng tàu trọng tải lớn còn dở dang nhưng đã dừng đầu tư theo quyết định phê duyệt điều chỉnh của Tập đoàn do thiếu vốn và suy giảm của ngành đóng tàu trong thời gian qua. Các công trình này không có nhu cầu và khả năng khai thác sử dụng khi chuyển sang Công ty cổ phần. Việc tồn đọng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang này gây khó khăn cho công tác kêu gọi các nhà đầu tư trong việc cổ phần hóa và là nguy cơ rủi ro rất lớn cho hoạt động của công ty cổ phần sau này. Do đó, đối với khoản mục này, Công ty đã báo cáo Tập đoàn trình Thủ tướng Chính phủ cho phép loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa bàn giao về Tập đoàn. Tập đoàn sẽ bàn giao cho Công ty quản lý về mặt hiện vật. Khi ngành đóng tàu phục hồi trở lại giá trị trên sẽ được bổ sung tăng vốn nhà nước. Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 về việc điều chỉnh đề án tái cơ cấu của TKV, đồng ý loại khỏi giá trị doanh nghiệp đối với giá trị đầu tư dở dang.

Ngày 9/2/2015 bộ Tài chính có công văn số 1987/BTC-TCDN về việc hướng dẫn nguồn sử lý đối với tài sản loại trừ không tính vào GTDN khi CPH. theo đó, đối với giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang tương ứng với các hạng mục đầu tư XDCB dở dang công ty mẹ - TKV 157.840.071.379 đồng hạch toán tăng giá trị dở dang các hạng mục điều chuyển với nguồn vốn tương ứng. TKV có trách nhiệm quản lý, bảo quản, sử dụng các hạng mục XDCB dở dang theo qui định, có lộ trình xây dựng phương án tăng vốn điều lệ để bàn giao các hạng mục này cho Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ và Đóng tàu khai thác và sử dụng khi thị trường đóng tàu phục hồi. Riêng hạng mục kè và bãi lắp ráp khu vực đà tàu. Năm 2013, với mục tiêu tận dụng khai thác tránh lãng phí Công ty đã mời các đối tác đến xem xét nhưng với mặt bằng hiện có thì không thể sử dụng, khách hàng không thuê. Chỉ có Công ty CP Sao biển đồng ý thuê với điều kiện bên thuê tự bỏ chi phí đổ bê tông 7.434m² cải tạo bãi, thi công kéo dài một phần mặt cầu bãi. Kè và bãi sau khi sử lý cho thuê là 9.145m² với giá 8000đ/m²/tháng đã bao gồm thuế.

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn Tập đoàn là 127.172.780.637 đồng khi bàn giao các hạng mục không cần dùng Công ty đồng thời bàn giao khoản nợ Tập đoàn trên để giảm gánh nặng tài chính cho Công ty.

5. Về tài sản cố định

Do dự án Đầu tư, di chuyển, mở rộng, nâng cấp cơ sở đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy Công ty Cơ khí Đóng tàu Than Việt nam (nay là Công ty Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin) chưa được tổng quyết toán, Nhưng để phát huy năng lực tài sản, sớm thu hồi vốn đầu tư công ty đã tạm tăng tài sản một số hạng mục đưa vào sử dụng khi chưa có quyết toán được duyệt. Sau thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 1/4/2014 Công ty tiếp tục thực hiện quyết toán, kiểm toán các hạng mục của dự án. Theo kết quả kiểm toán quyết toán được duyệt có một số hạng mục có phát sinh bổ sung tăng, giảm nguyên giá. Các tài sản này được điều chỉnh tăng giảm nguyên giá theo quyết toán đã được phê duyệt theo mục a khoản 3 điều 10 thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 5/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn sử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần quy định: “Đối với đầu tư tài sản cố định, đầu tư xây dựng công trình còn dở dang khi xác định giá trị doanh nghiệp, nhưng đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần hoàn thành đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán nếu có chênh lệch so với thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp thì được điều chỉnh theo quyết toán đã được phê duyệt”.

6. Về công nợ phải trả

Hiện nay Công ty đang có công nợ trị giá 290.486.165 đồng (dư nợ trên TK 331) phải thu đối với Công ty XNK Máy Ván Nam – YMC (Trung Quốc) là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty kho vận và cảng Cẩm Phả và công ty cổ phần vận tải thủy đã nộp thay nhà thầu theo Hợp đồng cung cấp thiết kế tàu biển chở hàng đa năng, trọng tải 7.000DWT bàn giao về Công ty cơ khí đóng tàu - Vinacomin. Hợp đồng giá trị 398.000USD, đã thanh toán đến 29/03/2012 là 355.738,68USD (tương đương 85%). Số tiền còn lại 59.700USD Công ty chưa thanh toán cho đối tác do chưa quyết toán thanh lý hợp đồng (tương đương 1.276.386.000 đồng, tỷ giá 21.380đ/USD) mặc dù đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu đối tác đối chiếu công nợ và thanh lý Hợp đồng nhưng phía Công ty XNK Máy Ván Nam – YMC chưa giải quyết dứt điểm. Theo quy định của Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Công ty cổ phần sẽ kế thừa và tiếp tục giải quyết công nợ giữa 2 Bên.

Ngoài ra còn khoản nợ lãi vay chậm trả liên quan đến Hợp đồng mua lô máy giữa Công ty và Công ty CP đầu tư tài chính thương mại dịch vụ FICO (thuộc Công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ), mà Công ty có khả năng liên đới với tư cách là Bên thứ ba. Theo quy định của Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Công ty cổ phần sẽ kế thừa và tiếp tục giải quyết.

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Cơ sở pháp lý

- Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Nghị định 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 16/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;

- Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH 1TV do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động - Thương Binh và xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91/2010/NĐ-CP ngày 20/08/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH 1TV do nhà nước làm chủ;

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số chính sách đối với lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015;

- Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TKV ngày 06/03/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin

- Căn cứ Quyết định 517/QĐ-TKV ngày 17/03/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc thành lập các Tổ chỉ đạo tái cơ cấu đơn vị trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-TCHC ngày 08/03/2014 của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin về việc thành lập Ban cổ phần hóa triển khai thực hiện cổ phần hóa công ty;

- Căn cứ Quyết định số: 2729/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v Kiện toàn Ban chỉ đạo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Quyết định số 314/QĐ-TTg.

- Căn cứ Quyết định số: 2730/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v Kiện toàn Ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo Quyết định số 314/QĐ-TTg.

- Căn cứ Quyết định số: 2731/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v ban hành Kế hoạch thực hiện tái cơ cấu Tập đoàn TKV năm 2015.

- Căn cứ Quyết định số: 2732/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam V/v thành lập các Tổ chỉ đạo tiến độ tái cơ cấu

- Căn cứ công văn số: 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh đề án tái cơ cấu của TKV, đồng ý loại khỏi giá trị doanh nghiệp đối với giá trị đầu tư dang dở.

- Quyết định số 2829/QĐ-TKV ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Than Khoáng sản Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin để cổ phần hóa (tại thời điểm 01/4/2014)

- Công văn số 1987/BTC-TCDN ngày 9/2/2015 của bộ Tài chính về việc hướng dẫn nguồn sử lý đối với tài sản loại trừ không tính vào GTDN khi CPH

2. Mục tiêu cổ phần hóa

- Thực hiện mục tiêu của chính phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty Cơ khí đóng tàu bao gồm:

+ Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai;

+ Huy động vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để có điều kiện đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: “Duy trì sản xuất kinh doanh + Phát triển bền vững + Tăng thu nhập”;

+ Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

- Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

+ Công ty luôn nhận được sự được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.

+ Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo.

+ Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện sự đồng thuận trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

3. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ vào Quyết định số 2829/QĐ-TKV ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Than Khoáng sản Việt Nam về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01/04/2014 và Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 31/03/2014 của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, giá trị thực tế tại thời điểm 31/03/2014 của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LIỆU SỐ SÁCH KẾ TOÁN	SỐ LIỆU THEO THANH TRA THUẾ	ĐÁNH GIÁ LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	4	5	6 = 5-4
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	471.721.313.606	472.082.297.212	497.404.883.801	25.322.586.589
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	138.140.588.927	138.140.588.927	163.463.175.431	25.322.586.504
1	Tài sản cố định	137.966.295.540	137.966.295.540	162.738.480.737	24.772.185.197
a.	Tài sản cố định hữu hình	137.966.295.540	137.966.295.540	162.738.480.737	24.772.185.197
	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	346.554.403.192	346.554.403.192	361.145.221.946	14.590.818.754
	Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	(208.588.107.652)	(208.588.107.652)	(198.406.741.209)	10.181.366.443
b.	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	-
c.	Chi phí XDCB dở dang			-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-	-
3	Tài sản dài hạn khác	174.293.387	174.293.387	724.694.694	550.401.307
a.	Chi phí trả trước dài hạn	174.293.387	174.293.387	724.694.694	550.401.307
b.	Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
II	Tài sản ngắn hạn	333.580.724.679	333.941.708.285	333.941.708.370	85
1	Tiền	1.889.416.747	1.889.416.747	1.889.416.832	85
a.	Tiền mặt tồn quỹ	427.209.415	427.209.415	427.209.500	85
b.	Tiền đang chuyển		-	-	-
c.	Tiền gửi ngân hàng	1.462.207.332	1.462.207.332	1.462.207.332	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-	-
3	Các khoản phải thu	144.796.355.254	190.693.989.313	190.693.989.313	-

4	Hàng tồn kho	178.358.565.137	136.967.903.398	136.967.903.398	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.536.387.541	4.390.398.827	4.390.398.827	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp		-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất		-	-	-
B	<u>TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG</u>	164.670.136.954	164.670.136.954	164.670.136.954	-
I	Tài sản dài hạn	157.840.071.379	157.840.071.379	157.840.071.379	-
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	157.840.071.379	157.840.071.379	157.840.071.379	-
II	Tài sản ngắn hạn	6.830.065.575	6.830.065.575	6.830.065.575	-
1	Nợ phải thu khó đòi trả lại nhà nước	3.773.514.752	3.773.514.752	3.773.514.752	-
2	Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	3.056.550.823	3.056.550.823	3.056.550.823	-
C	<u>TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ</u>	-	-	-	-
I	Tài sản dài hạn				
II	Tài sản ngắn hạn				
D	<u>TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI</u>	-	-	-	-
	<u>TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)</u>	636.391.450.560	636.752.434.166	662.075.020.755	25.322.586.589
	Trong đó:				
	<u>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (MUC A)</u>	471.721.313.606	472.082.297.212	497.404.883.801	25.322.586.589
E1	NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	472.792.072.523	472.792.072.523	472.792.072.523	
E2	NGUỒN KINH PHÍ HÌNH THÀNH TSCĐ	1.559.412.527	1.559.412.527	1.559.412.527	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-E1-E2)	(2.630.171.444)	(2.269.187.838)	23.053.398.751	25.322.586.589

(Trích hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại 01/04/2014 để cổ phần hóa)

Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

Tài sản đưa vào cổ phần hóa

Giá trị thực tế tài sản đang dùng của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin xác định lại tại thời điểm 31/03/2014 là 497.404.883.801 đồng.

(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi bảy tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu, tám trăm tám mươi ba ngàn, tám trăm lẻ một đồng)

Trong đó:

Giá trị phần vốn của Nhà nước tại Doanh nghiệp là: 23.053.398.751 đồng
(Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, ba trăm chín mươi tám ngàn, bảy trăm năm mươi một đồng)

Chi tiết xác định lại giá trị doanh nghiệp như sau:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo sổ kế toán là: (2.269.187.838) đồng

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đánh giá lại là:	23.053.398.751	đồng
Chênh lệch	25.322.586.589	đồng

Tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị sổ sách)

Nợ phải thu trả nhà nước	3.773.514.752	đồng
Hàng tồn kho ứ đọng không cần dùng	3.056.550.823	đồng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	157.840.071.379	đồng
Tổng	164.670.136.954	đồng

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tư tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm năm mươi tư đồng)

II- NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

A. Hình thức cổ phần hóa

- Theo điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ - CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần có quy định các hình thức cổ phần hóa như sau:

a- Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

b- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

c- Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

- Căn cứ vào đặc điểm tình hình của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ - CP cụ thể : “*Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp*”

1. Thông tin về Công ty Cổ phần

Tên tiếng Việt:	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ MỎ VÀ ĐÓNG TÀU - TKV
Tên tiếng Anh:	TKV - MINERAL MECHANIC AND SHIPBUILDING JOIN STOCK COMPANY
Tên viết tắt :	MECASB, JSC
Tên giao dịch:	CÔNG TY CƠ KHÍ MỎ VÀ ĐÓNG TÀU
Trụ sở chính:	KCN Cái Lân - Phường Bãi Cháy - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại :	033 384 6436
Fax:	033 384 5661
Website:	www.cokhihalong.com.vn
E-mail:	vsbc@yahoo.com.vn

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Vận tải hàng hóa, đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dao kéo; dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;

Khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần công ty sẽ đăng ký thêm một số ngành nghề kinh doanh mới nhằm đa dạng hóa hoạt động sản xuất kinh doanh tạo điều kiện tăng việc làm doanh thu cho Công ty, cụ thể gồm:

- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ bốc xúc đất đá, san lấp mặt bằng;
- Chế tạo thiết bị;

3. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa:

Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 0h ngày 01/4/2014 theo quyết định số: 2829/QĐ-TKV ngày 31/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than

- Khoáng sản Việt Nam:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp là: 497.404.883.801 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là: 23.053.398.751 đồng

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Vốn điều lệ

- Để đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa nhằm đạt được mục tiêu đã định, vốn điều lệ của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ công ty cổ phần : 23.000.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 2.300.000 cổ phần

Cơ cấu vốn điều lệ

- Theo Quyết định số 314/QĐ/TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, theo đó đối với Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin thì Vinacomin nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ. Do đó, Công ty dự kiến cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần như sau:

STT	Cổ đông	Vốn điều lệ là 23.000 triệu đồng		
		Số lượng cổ phiếu	Số tiền (triệu đồng)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ phần nhà nước	614.560	6.145.600.000	26,72%
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm công tác	381.800	3.818.000.000	16,6%
3	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm cam kết làm việc	176.640	1.766.400.000	7,68%
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	1.127.000	11.270.000.000	49%
	Tổng cộng	2.300.000	23.000.000.000	100,00%

Tổng hợp

Chủ sở hữu	Số lượng CP	Giá trị	Tỷ lệ
Nhà nước	614.560	6.145.600.000	26,72%
Đối tượng khác (*)	1.685.440	16.854.400.000	73,28%
Tổng	2.300.000	23.000.000.000	100,00%

Ghi chú

(*) Bao gồm: người lao động mua cổ phần ưu đãi theo quy định, nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư thông thường.

5. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

a. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên (CBCNV), các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP)

b. Cổ phần bán cho CBCNV

Cổ phần bán cho CBCNV được thực hiện qua 2 hình thức, cụ thể:

b.1 “Cổ phần bán cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước với mức giá bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất”

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”.

- Tổng số CBCNV của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (01/4/2014) là: 350 người

- Tổng số CBCNV của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 31/12/2014 là: 284 người

- Tổng số CBCNV được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn làm việc trong khu vực nhà nước: là 279 người.

- Tổng số CBCNV không đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi là: 05

- Tổng số năm công tác của toàn bộ CBCNV được mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước là: 3.818 năm (không bao gồm số năm làm việc trong khu vực nhà nước của CBCNV nghỉ dôi dư theo chế độ đã được hưởng các chế độ chính sách trước khi Công ty chuyển sang mô hình công ty cổ phần)

(Danh sách CBCNV đủ điều kiện mua cổ phần ưu đãi tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp xem chi tiết tại phụ lục kèm theo)

- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định này là 381.800 cổ phiếu với tổng mệnh giá 3.818.000.000 đồng chiếm 16,6% vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

b.2 “Cổ phần CBCNV mua theo hình thức đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty cổ phần với mức giá bằng mức giá đấu thành công thấp nhất”.

- Theo quy định tại Khoản 2c Điều 48 Nghị định số: 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “Giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)”.

- Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp có 68 người đăng ký mua theo quy định trên với tổng mệnh giá 1.766.400.000 đồng chiếm 7,68% (có nghị quyết Đại hội CNVC LĐ về việc người lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi, mua thêm kèm theo)

c. Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức Công đoàn

- Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì “Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa được ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động.” ***Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động.***

Công đoàn Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu không tham gia mua cổ phần ưu đãi khi Công ty cổ phần hóa.

d. Cổ phần bán đấu giá cho nhà đầu tư chiến lược

- Không có nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần

e. Cổ phần đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán đấu giá ra bên ngoài cụ thể như sau:

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá 1.127.000 cổ phần (chiếm 49% vốn điều lệ) với tổng mệnh giá là 11.270.000.000 đồng cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.

- Giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần

- Thời điểm dự kiến bán đấu giá: Trong khoảng 45 ngày sau khi Tập đoàn quyết định phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH 1 thành viên Cơ khí Đóng tàu - Viancomin.

- Đối tượng tham gia đấu giá: các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư là tổ chức trong và ngoài nước. Những hạn chế đối với nhà đầu tư nước ngoài khi tham gia mua cổ phần sẽ thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

6. Phương án chia quỹ phúc lợi khen thưởng

Số dư quỹ phúc lợi khen thưởng tại thời điểm xác định GTDN 01/4/2014 là: 780.390.815 đồng, theo nghị quyết liên tịch giữa công đoàn và chuyên môn, số dư quỹ sẽ được phân phối như sau:

- Chi cho các hoạt động năm 2014 là 365.250.000 đồng (có kế hoạch chi kèm theo)

- Phân phối cho CBCNV là: 415.140.815 đồng

+ Mức chia: 108.732 đồng /người/năm

+ Đối tượng lao động được xác định phân phối là lao động làm việc trong công ty có mặt tại thời điểm xác định GTDN 31/3/2014 theo quy định tại điều 19, nghị định 59/2011/NĐ-CP

7. Loại cổ phần và phương thức phát hành

Loại cổ phần

- Tất cả các cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông
- Hoạt động mua, bán, chuyên nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo Điều lệ Công ty Cổ phần và các văn bản pháp luật có liên quan

Phương thức phát hành

- Cổ phần ưu đãi bán cho cán bộ công nhân viên được thực hiện tại doanh nghiệp căn cứ vào danh sách đã được phê duyệt
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến sẽ tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

8. Giá đấu giá khởi điểm

Căn cứ xác định giá khởi điểm cổ phần của Công ty có phụ lục hồ sơ do tư vấn xác định kèm theo).

+ Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

+ Xác định giá trị doanh nghiệp theo dòng cổ tức tương lai: giá khởi điểm là 6.732 đồng/ 1 cổ phiếu

+ Căn cứ tình hình thị trường chứng khoán; căn cứ kết quả xác định giá trị doanh nghiệp và tiềm năng của doanh nghiệp trong tương lai; Căn cứ điều 2 thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty đề xuất mức giá đấu giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần

9. Xử lý cổ phần không bán hết

- Trường hợp không bán hết số cổ phần dự kiến (nếu có) sẽ được xử lý thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP và thông tư 196/2011/TT-BTC, đồng thời sẽ được trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp khi Công ty chính thức đi vào hoạt động

B. Kế hoạch sử dụng số tiền từ đợt cổ phần hóa và chi phí cổ phần hóa

1. Chi phí cổ phần hóa

- Theo quy định tại Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý sử dụng tiền thu từ bán cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần, Bộ tài chính quy định về chi phí cổ phần hóa, tổng mức chi tối đa được xác định theo giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán. Cụ thể, không quá 200 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị dưới 30 tỷ đồng; không quá 300 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị từ 30 tỷ đến 50 tỷ đồng; không quá 400 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 50 tỷ đến 100 tỷ đồng và không quá 500 triệu đồng đối với doanh nghiệp có giá trị trên 100 tỷ đồng.

- Tổng giá trị tài sản của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin tại thời điểm 31/03/2014 theo sổ sách kế toán (đã được kiểm toán độc lập) là: 636.752.434.166 đồng. Do đó, chi phí cổ phần hóa tối đa Công ty được chi là 500 triệu đồng. Chi phí cổ phần hóa của Công ty dự kiến là: 499.300.000 đồng, bao gồm các khoản chi phí sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	Chi phí
A	Các khoản mục chi phí trực tiếp tại đơn vị	117.100.000
1	Chi phí đăng ký thông tin về doanh nghiệp, đăng báo	15.000.000
2	Lệ phí tổ chức bán đấu giá cổ phần	49.100.000
3	Chi phí Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty	17.000.000
4	Chi phí kiểm kê tài sản cố định + Tập huấn nghiệp vụ	15.000.000
5	Chi phí đại hội CNVC bất thường triển khai CPH	21.000.000
B	Thuê các đơn vị có chức năng thực hiện công tác liên quan	225.000.000
1	Thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	120.000.000
2	Thuê tư vấn xây dựng phương án cổ phần hóa	45.000.000
3	Thuê tư vấn lập hồ sơ bán đấu giá cổ phần, tư vấn tổ chức đại hội đồng cổ đông thành lập, tư vấn các thủ tục hoàn tất cổ phần hóa	60.000.000
C	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa	157.200.000
1	Thù lao ban chỉ đạo	
	(11 người x 1.000.0000 đồng/tháng x 6 tháng)	66.000.000
2	Thù lao tổ giúp việc	
	(19 người x 800.000 đồng/tháng x 6 tháng)	91.200.000
	Tổng cộng	499.300.000

2. Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước và kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa

- Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ bán cổ phần hóa được thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

- Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty CP Cơ khí Mỏ và Đóng tàu - TKV, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính giả sử tất cả số cổ phần bán đấu giá được mua với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần và giá đấu bình quân là 10.000đ/ cổ phần, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	KẾ HOẠCH HOÀN VỐN NSNN		SỐ TIỀN (đồng)
1	Vốn điều lệ công ty cổ phần	(a)	23.000.000.000
2	Vốn nhà nước thực tế sau đánh giá lại	(b)	23.053.398.751
3	Thu tiền từ bán cổ phần hóa	(c)	15.327.200.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		4.057.200.000
	- Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước		2.290.800.000
	- Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại công ty		1.766.400.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho Công đoàn		
3.3	Thu tiền từ bán đấu giá ra bên ngoài		11.270.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, công đoàn, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	16.854.400.000
5	Giá trị phần vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau định giá hoàn trả ngân sách	(e) = (b) –(a)	53.398.751

6	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	(f)	499.300.000
7	Tiền hoàn vốn ngân sách (5) = (3) + (5) -(6)		14.881.298.751

3. Kế hoạch giải quyết và phương án sử dụng lao động

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Tập đoàn TKV và các đơn vị đang tiến hành tái cấu trúc lại doanh nghiệp Nhà nước, để các doanh nghiệp có điều kiện thu hút các nguồn lực xã hội vào SXKD có hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh;

Theo đề án tái cơ cấu của Tập đoàn TKV đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013, Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin sẽ chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

Tiến hành cổ phần hóa Công ty nhằm đạt mục tiêu :

- **Một là:** Hoàn thành nhiệm vụ chính trị theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tập đoàn giao; Cung cấp các sản phẩm dịch vụ, vật tư phục vụ sản xuất và tiêu thụ Than; Sản xuất kinh doanh có lãi;

- **Hai là:** Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và chi trả cổ tức cho các cổ đông hàng năm tối thiểu đạt từ 3% - 6%;

- **Ba là:** Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; Gia tăng giá trị doanh nghiệp;

Để đạt mục tiêu nêu trên cần thực hiện một số giải pháp:

- Đảm bảo SXKD hiệu quả đáp ứng yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa

- Về quản trị chi phí: Ngoài việc quản trị chặt chẽ chi phí nguyên nhiên vật liệu - rà soát, sửa đổi bổ sung và áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến, Công ty còn có khả năng tiết kiệm được hao phí lao động /1 đơn vị sản phẩm, bằng việc bố trí và sử dụng lao động hợp lý, phát huy cao độ năng lực mọi thành viên trong doanh nghiệp.

Để nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần; Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần, phù hợp với các quy định của Pháp luật về lao động, Công ty dự kiến phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	284
1	- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	4
2	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	266
3	- Lao động làm việc theo HĐLĐ từ đủ 03 đến 36 tháng	02
4	- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc công việc dưới 3 tháng	04
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị	0

doanh nghiệp		
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0
	- Nghị định 152/2006/NĐ - CP	0
	- Nghị định 91/2010/NĐ - CP	0
2	Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động chia ra	0
	- Hết hạn hợp đồng lao động	0
	- Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	0
	- Lý do theo quy định của pháp luật	0
3	Lao động chờ nghỉ việc theo QĐ của Giám đốc	0
4	Lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	0
	- Lao động thực hiện theo nghị định 91/2010/NĐ-CP	0
	- Số lao động thực hiện nghị định 132/2007/NĐ-CP	0
	- Số lao động thực hiện theo Bộ luật lao động	0
III	Số lao động còn hạn HĐLĐ chuyển sang công ty cổ phần	284
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	280
2	Số lao động nghỉ theo 3 chế độ BHXH chia ra	
	- Ốm đau	
	- Thai sản	
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
3	Số lao động tạm hoãn hợp đồng lao động	0
	- Nghĩa vụ quân sự	0
	- Nghĩa vụ công dân khác	0
	- Bị tạm giam, tạm giữ	0
	- Do 2 bên thỏa thuận, không quá 3 tháng	0
4	Lao động mùa vụ	04

Trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động, căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, Công ty dự kiến cơ cấu lao động chuyển sang công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
I - Theo trình độ lao động.		
Tổng số	284	100%
- Trên đại học	1	0,35%
- Đại học.	51	17,96%
- Trung cấp, cao đẳng	20	7,04%
- Lao động phổ thông	25	8,8%
- Công nhân kỹ thuật	187	65,85%
II - Phân theo hợp đồng lao động.	284	100%
- Hợp đồng không xác định thời hạn	274	96,5%
- Viên chức quản lý	04	1,4%
- Hợp đồng thời hạn 1-3 năm.	02	0,7%

- Hợp đồng thời vụ	04	1,4%
III - Phân theo giới tính.	284	100%
- Nam	212	74,65%
- Nữ	72	25,35%

(Danh sách lao động tiếp tục sử dụng khi chuyển sang công ty cổ phần có phụ lục kèm theo)

Khi chính thức chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần, Công ty dự kiến bố trí lại lao động giai đoạn từ 2015 đến 2017 theo hướng tăng dần phục vụ cho việc làm kết cấu phi tiêu chuẩn cho các mỏ:

Năm 2015:

Tổng số lao động dự kiến: 350 người

Tổng quỹ lương: 23,1 tỷ đồng ;

Thu nhập bình quân đạt 5,5 triệu đồng/người/tháng ;

Lao động được biên chế : - Viên chức QL : 04 người
- Đảng, đoàn thể chuyên trách : 0 người
- CMNV, gián tiếp : 38 người
- Trực tiếp SX, KD : 254 người
- Phục vụ, phụ trợ : 54 người

Năm 2016:

Tổng số lao động dự kiến 350 người

Tổng quỹ lương: 24 tỷ ;

Thu nhập bình quân 5,7 triệu đồng/người/tháng

Lao động được biên chế :- Viên chức QL : 04 người
- Đảng, đoàn thể chuyên trách : 0 người
- CMNV, gián tiếp : 32 người
- Trực tiếp SX, KD : 260 người
- Phục vụ, phụ trợ : 54 người

Năm 2017:

Tổng số lao động dự kiến 360 người

Tổng quỹ lương: 27 tỷ ;

Thu nhập bình quân 6,25 triệu đồng/người/tháng

Lao động được biên chế :- Viên chức QL : 04 người
- Đảng, đoàn thể chuyên trách : 0 người
- CMNV, gián tiếp : 30 người

- Trực tiếp SX, KD : 276 người
- Phục vụ, phụ trợ : 50 người

Giải quyết đối với số người dôi dư theo phương án cơ cấu lao động qua các năm:

- Tiếp tục truyền thông, động viên những người đã đủ điều kiện nghỉ hưu và nghỉ hưu trước tuổi hoặc tạo điều kiện cho CBCNV thôi việc nếu có nguyện vọng chấm dứt HĐLĐ theo chế độ Nhà nước quy định;

- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBCNV, để chuyển sang nghề đang cần bổ sung như: Sản xuất vì chống lò, xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng

PHẦN III
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG
SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. Sự cần thiết phải đổi tên Công ty.

Trước đây Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu có chức năng là đơn vị đóng tàu vận chuyên than, sửa chữa và đóng mới phương tiện thủy, nhưng do thị trường đóng tàu trong cả nước suy giảm, doanh thu đóng tàu giảm sút, mặt khác do phải huy động vốn cho đầu tư lớn nên lãi vay hàng năm lớn, Công ty không cân đối được tài chính:

Năm 2011:

- Doanh thu đóng tàu trong Tập đoàn: 95,97 Tỷ đồng
- Doanh thu đóng tàu tư nhân và sửa chữa: 55,2 Tỷ đồng
- Cơ khí mở: 0
- Kết quả sản xuất kinh doanh: Lỗ -2,8 Tỷ đồng

Năm 2012:

- Doanh thu đóng tàu trong Tập đoàn: 90,5 Tỷ đồng
- Doanh thu đóng tàu tư nhân và sửa chữa: 58,2 Tỷ đồng
- Cơ khí mở: 64,9 Tỷ đồng (Gia công vì chống 49,5 tỷ đồng)
- Kết quả sản xuất kinh doanh: Lỗ - 24,6 Tỷ đồng (Trong năm 2012 Công ty phát sinh 3 khoản chi phí bất thường liên quan đến Công ty CP Vận tải thủy là 20,78 tỷ, liên quan đến giảm trừ Doanh thu tàu 8800 DWT S10 năm 2011 là 3,25 tỷ, liên quan đến giảm trừ Doanh thu năm 2010, 2011 là 0,63 t ý)

Trước tình hình thua lỗ nhiều năm liền, Công ty có nguy cơ bị phá sản. Được sự giúp đỡ của Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam Công ty đã tổ chức lại sản xuất:

- Giảm số lượng phòng ban từ 11 phòng + 1 Ban xuống >> còn 6 phòng + 1 Ban (đã thành lập thêm 01 phòng khách hàng và tiêu thụ sản phẩm). Nhân viên gián tiếp giảm từ 64 người (17,5%) xuống còn 38 người (10,4%).

- Mở rộng sản xuất, Tăng số phân xưởng sản xuất từ lúc chỉ có 01 phân xưởng Cơ khí và 01 phân xưởng Vỏ thành >> 06 phân xưởng: Phân xưởng cơ điện, phân xưởng cơ khí 1, phân xưởng cơ khí 2, phân xưởng cơ khí 4, phân xưởng sửa chữa phương tiện thủy, phân xưởng sửa chữa cơ động.

- Công ty đã tích cực và nhanh chóng chuẩn bị các công việc để tham gia và sản xuất các sản phẩm cho cơ khí mở:

+ Chuẩn bị nhân lực: Công ty đã chuyển 70% lao động sang đào tạo để sản xuất các sản phẩm trong cơ khí mở bao gồm gia công vì chống lò cho vùng Hòn Gai, Hà Lâm, Hoàn Bồ, Vàng Danh. Sản xuất xích cung cấp cho công ty than Đông Bắc, sản xuất cầu máng cào, chế tạo và sửa chữa băng tải cho nhà

máy tuyển than Hòn Gai. Gia công các sản phẩm cơ khí cho rất nhiều mỏ trong Tập đoàn và Công ty than Đông Bắc.

+ Chuẩn bị thiết bị phục vụ sản xuất cơ khí mỏ: Tài sản của Công ty là cơ sở hạ tầng, vật kiến trúc, trang thiết bị cho việc cắt gọt và uốn kim loại, dầm cầu trục cỡ lớn. Công ty có mặt bằng rộng, có nhiều thợ hàn, thợ sắt, thợ làm sạch kim loại, thợ sơn,... nên rất thuận lợi cho chuyên hướng sản xuất kinh doanh gia công kết cấu cơ khí phi tiêu chuẩn.

Để có thiết bị cho gia công vì chống, sản xuất xích, cầu máng cào, chế tạo và sửa chữa băng tải,... Công ty đã áp dụng nhiều hình thức như: Thuê thiết bị, đầu tư các thiết bị theo hình thức xã hội hóa trong khi thực hiện dừng hoàn toàn đầu tư công chi đạo của Tập đoàn.

Kết quả năm 2013:

- Doanh thu đóng tàu trong Tập đoàn: 90,2 Tỷ đồng
- Doanh thu đóng tàu tư nhân và sửa chữa: 58,6 Tỷ đồng
- Cơ khí mỏ: 279,4 Tỷ đồng (Gia công vì chống 246 tỷ đồng)
- Kết quả sản xuất kinh doanh: Lãi 8,84 Tỷ đồng

Kết quả năm 2014:

- Doanh thu đóng tàu trong Tập đoàn : 34,096 tỷ đồng
- Doanh thu đóng tàu tư nhân và sửa chữa: 39,985 tỷ đồng
- Cơ khí mỏ: 466,283 tỷ đồng (Gia công vì chống 381,694 tỷ đồng)
- Kết quả sản xuất kinh doanh: lãi 1.236 triệu đồng
- *Qua các số liệu phân tích:*

+ Năm 2013 đã cân đối được tài chính. Doanh thu cơ khí mỏ 279,4 tỷ đồng (64% tổng doanh thu). Trong đó: Gia công vì chống 246 tỷ đồng (56% tổng doanh thu).

+ Năm 2014 đã cân đối được tài chính và có lợi nhuận 1.236 triệu đồng, mặc dù công việc đóng tàu trong Tập đoàn hầu như không còn, Công ty đã rất cố gắng phát triển thêm nhiều sản phẩm đóng tàu cho tư nhân để giữ việc đóng tàu và sửa chữa tàu truyền thống ngoài Tập đoàn như nhiều năm trước đây là khoảng 50 - 60 tỷ đồng/năm.

Doanh thu cơ khí mỏ 466,283 tỷ đồng (86,29% tổng doanh thu). Trong đó: Gia công vì chống 381,694 tỷ đồng (70,64% tổng doanh thu).

Tóm tắt sự phân tích trên ta thấy:

- Doanh thu đóng tàu trong Tập đoàn từ năm 2015 trở đi còn rất ít.
- Doanh thu đóng mới và sửa chữa tàu vẫn ổn định qua các năm khoảng 50 - 65 tỷ đồng/năm. Dự kiến khi ngành đóng tàu phục hồi trở lại thì Doanh thu đóng tàu tư nhân sẽ tăng.

- Với doanh thu đóng tàu khí ngành đóng tàu phục hồi thì Công ty cũng khó cân đối được tài chính. Vậy, với lợi thế Công ty có mặt bằng rộng, có nhiều thợ hàn, thợ sắt, thợ làm sạch kim loại, thợ sơn,... nên rất thuận lợi cho chuyên hướng sản xuất kinh doanh gia công kết cấu cơ khí phi tiêu chuẩn. Việc mở thêm lĩnh vực sản xuất cơ khí mở để phục vụ cho ngành than là rất cần thiết.

- Để tạo điều kiện cho Công ty trong việc giao dịch với các bạn hàng, với các ngân hàng thì việc đổi tên Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin thành Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ và Đóng tàu - TKV là quan trọng. Thực chất năm 2013 doanh thu đóng tàu chiếm 35% tổng doanh thu, doanh thu cơ khí mỏ chiếm 65% tổng doanh thu. Năm 2014 doanh thu đóng tàu chiếm 18% tổng doanh thu, doanh thu cơ khí mỏ chiếm 82% tổng doanh thu. Dự kiến khi ngành đóng tàu phục hồi thì doanh thu đóng tàu chiếm 30% tổng doanh thu, doanh thu cơ khí mỏ chiếm 70% tổng doanh thu.

Vì các lý do trên, Công ty kính đề nghị Tập đoàn được đổi tên Công ty thành **Công ty Cổ phần Cơ khí Mỏ và Đóng tàu - TKV**.

Thực hiện chủ trương tái cấu trúc các doanh nghiệp Nhà nước, đề án tái cơ cấu ngành Than đã được Chính phủ phê duyệt; Trong đó Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu sẽ chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

Mục tiêu của Công ty là tái cấu trúc về sở hữu, tái cơ cấu bộ máy tổ chức phù hợp với quy mô, nhưng vẫn đảm bảo việc thực hiện nhiệm vụ phục vụ cho sản xuất than, tăng năng suất lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

II. Tổ chức Công ty

1 - Phương án tổ chức Công ty

Phương án cơ cấu bố trí sắp xếp lại Tổ chức bộ máy và sử dụng LĐ

Như trên đã trình bày, Công ty đã bố trí sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy và lao động vào năm 2012. Tuy nhiên, hiện nay Công ty tiếp tục tổ chức, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và lao động theo tinh thần chỉ đạo của TKV về việc bố trí các phòng ban Công ty, tại cuộc họp ngày 20/11/2014, theo đó mô hình quản lý cấp Công ty gồm 7 phòng, ban chủ yếu như sau: Phòng Tổ chức hành chính - Lao động Tiền lương; Phòng Kế hoạch; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Vật tư; Phòng Sản phẩm mới và Dự án; Phòng Kỹ thuật cơ khí - Cơ điện - An toàn; Ban Thanh tra - Bảo vệ và 7 phân xưởng trực thuộc, trong đó có: 3 phân xưởng cơ khí, 1 phân xưởng sửa chữa thủy, 1 phân xưởng sửa chữa cơ động và 1 phân xưởng cơ điện; 1 phân xưởng giao nhận thiết bị mỏ.

Sắp xếp lại các phòng ban và phân xưởng trong Công ty:

Như trên đã trình bày, Công ty đã cơ cấu bố trí sắp xếp lại tổ chức bộ máy và lao động vào năm 2012. Tuy nhiên, hiện nay Công ty tiếp tục tổ chức, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và lao động theo tinh thần chỉ đạo của TKV về việc bố trí các phòng ban Công ty, tại cuộc họp ngày 20/11/2014, theo đó mô hình quản lý cấp Công ty gồm 7 phòng, ban chủ yếu như sau: Phòng Tổ chức hành chính - Lao

động Tiền lương; Phòng Kế hoạch; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Vật tư; Phòng Sản phẩm mới và Dự án; Phòng Kỹ thuật cơ khí - Cơ điện - An toàn; Ban Thanh tra - Bảo vệ và 7 phân xưởng trực thuộc, trong đó có: 3 phân xưởng cơ khí, 1 phân xưởng sửa chữa thủy, 1 phân xưởng sửa chữa cơ động và 1 phân xưởng cơ điện; 1 phân xưởng giao nhận thiết bị mỏ.

2 - Ngành nghề kinh doanh Công ty dự kiến

Trên cơ sở xem xét thực trạng của Công ty và phân tích những tiềm năng cũng như nguồn lực hiện có, khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Công ty dự kiến sẽ hoạt động các ngành nghề sau:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi;
- Đóng thuyền, xuồng thể thao và giải trí;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, xe mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
- Vận tải hàng hóa, đường thủy nội địa;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và các dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất dao kéo; dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng khác;
- Dịch vụ bốc xúc đất đá, san lấp mặt bằng;
- Chế tạo thiết bị;

3 - Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự sau cổ phần hóa

Xuất phát từ ngành nghề kinh doanh của Công ty, để Công ty hoạt động có hiệu quả, bộ máy quản lý gọn nhẹ, tiết kiệm, Công ty dự kiến cơ cấu tổ chức nhân sự của Công ty :

1 Hội đồng quản trị : 05 người

- 2 Ban kiểm soát : 03 Người
- 3 Ban điều hành : 04 người
 - Giám đốc : 01 người
 - Phó giám đốc : 02 người
 - Kế toán trưởng : 01 người
- 4 Các phòng ban chức năng
 - Phòng Kỹ thuật cơ khí - KCS và Cơ điện - An toàn (7 người)
 - Phòng Vật tư (5 người)
 - Phòng Kế hoạch (2 người)
 - Phòng Sản phẩm mới & Dự án (2 người)
 - Phòng Tài chính kế toán (5 người)
 - Phòng Tổ chức hành chính & Tiền lương và Đời sống (17 người)
 - Ban Thang tra - Bảo vệ (14 người)
- 5 Các phân xưởng
 - Phân xưởng cơ khí 1
 - Phân xưởng cơ khí 2
 - Phân xưởng sửa chữa phương tiện thủy
 - Phân xưởng cơ khí 4
 - Phân xưởng sửa chữa cơ động
 - Phân xưởng cơ điện
 - Phân xưởng giao nhận thiết bị mỏ

Chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

- Duy trì sản xuất kinh doanh ổn định có lãi, trả dần nợ và khấu hao; chờ thời cơ đóng tàu phục hồi.
- Nâng cao đời sống và tăng thu nhập của người lao động
- Phân đầu để phát triển Công ty thành thương hiệu mạnh trong lĩnh vực sửa chữa, đóng mới các phương tiện thủy và trong lĩnh vực cơ khí mỏ về gia công kết cấu cơ khí phi tiêu chuẩn bằng tải các loại, phục vụ đặc lực cho ngành khai thác mỏ của đất nước.

III. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

1 - Đánh giá một số mặt thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của Công ty

Thuận lợi

- Công ty nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện và ý kiến chỉ đạo từ lãnh đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.
- Tập thể CBCNV Công ty luôn đoàn kết nhất trí, đồng thuận, gắn bó với nghề nghiệp, có kinh nghiệm trong công tác, được trải nghiệm qua thực tế nhiều năm qua.
- Công ty làm nhiệm vụ hậu cần cho sản xuất than, ngày càng nhận được sự phối hợp ủng hộ của khách hàng trong ngành.
- Việc cổ phần hóa Công ty nằm trong chủ trương của Nhà nước về tái cấu trúc doanh nghiệp. Trước tình hình kinh tế xã hội đang có nhiều khó khăn,

kinh tế suy thoái, kế hoạch cổ phần hóa của Công ty xuất phát từ nhu cầu tự thân, thay đổi để chủ động trong kinh doanh, phát huy hơn hiệu quả SXKD.

- Nhận thức được sau khi cổ phần hóa áp lực cạnh tranh sẽ cao hơn, nhưng cũng là động lực để Công ty sẽ chủ động quyết liệt hơn trong định hướng chiến lược phát triển, khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, bố trí lao động phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh và huy động các nguồn lực theo quy định của pháp luật, nâng cao tính tự chủ của người lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh.

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty có điều kiện để huy động tối đa mọi nguồn lực, vật chất, trí tuệ của các cổ đông, linh hoạt và tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Công tác quản lý, phân phối thu nhập ở công ty cổ phần được đổi mới sẽ tạo động lực thúc đẩy CBCNV nỗ lực lao động sản xuất, mang lại hiệu quả cao cho Công ty

Khó khăn

- Tình hình kinh tế: Nền kinh tế thế giới dự báo sẽ có phục hồi nhưng rất chậm chạp, bên cạnh đó còn tồn tại nhiều yếu tố rủi ro và chưa vững chắc. Tăng trưởng kinh tế Việt nam được dự báo có sự phục hồi nhưng chưa bền vững. Sản lượng than xuất khẩu hàng năm sẽ sụt giảm mạnh, năm sau thấp hơn các năm trước. Dự báo từ năm 2016 trở đi Chính phủ hạn chế xuất khẩu Than vì đây là nguồn tài nguyên năng lượng không tái tạo. Do đó ảnh hưởng tới các sản phẩm cơ khí của Công ty cung cấp cho các công ty than do các đơn đặt hàng sẽ giảm.

- Tình hình tiêu thụ Than đang gặp khó khăn do chi phí, giá thành cao. Dự báo điều này xảy ra sẽ làm giảm các đơn đặt hàng đóng mới và sửa chữa phương tiện vận chuyển đường thủy.

- Giá xăng dầu trong nước có xu hướng tăng cao hơn so với thế giới, làm cho chi phí vận chuyển bằng đường thủy tăng dẫn tới các đơn hàng vận chuyển bằng đường thủy bị sụt giảm, điều này ảnh hưởng đến tình hình sản xuất đóng tàu hàng cũng như sửa chữa các phương tiện thủy của Công ty

- Giá vật tư, nguyên vật liệu, nguồn hàng, chi phí sản xuất có xu hướng tăng dẫn tới giá thành ngày càng tăng cao làm giảm hiệu quả hoạt động của Công ty

- Hoạt động của Công ty cổ phần sẽ chịu nhiều áp lực đó là lợi ích của cổ đông nên yêu cầu đặt ra đối với công ty là bằng mọi cách phải sử dụng thật hợp lý và hiệu quả các nguồn lực phục vụ cho SXKD của Công ty

- Tài sản của Công ty chủ yếu là tài sản cố định, năng lực sản xuất hạn chế trong khi đó hàng năm Công ty phải chịu một khoản chi phí khấu hao tài sản lớn trong khi doanh thu của hệ thống tài sản này mang lại không nhiều, điều đó làm giảm hiệu quả hoạt động của Công ty

2 - Một số chỉ tiêu dự báo

- Dự báo lạm phát năm 2015 dưới 10%;

- Lãi suất huy động năm 2015 giảm còn 06 - 07 % và tiếp tục giảm dưới 10% vào năm 2016;

- Lãi suất cho vay dự báo năm 2015 là 10,5%/năm và giảm xuống dưới 10% vào năm 2016;

- Dự báo chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 là: 8,5%.

- Lương, BHXH, tăng theo quy định.

3 - Kế hoạch SXKD 3 năm của Công ty sau cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
1	Kế hoạch ĐT XDCB	Triệu đồng	-	-	-
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	23.000	23.000	23.000
3	Tổng số lao động	Người	350	350	360
4	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	24.100	25.500	26.500
5	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Nghìn đồng	5.738	6.071	6.134
6	Các sản phẩm chủ yếu				
6.1	Sửa chữa tàu thuyền	Chiếc	61,00	65,00	71,00
-	Tàu đẩy, tàu kéo	"	15,00	16,00	18,00
-	Sà lan các loại	"	22,00	23,00	25,00
-	Tàu hàng 2000T-5000T	"	12,00	13,00	14,00
-	Tàu du lịch các loại	"	10,00	11,00	12,00
-	Pon ton	"	2,00	2,00	2,00
6.2	Đóng mới tàu thuyền	Chiếc	4,30	4,00	4,00
-	Tàu Sông Ninh 01	"	0,65	0,35	-
-	Tàu Sông Ninh 02	"	0,65	0,35	-
-	Sà lan biển	"	1,00	-	-
-	Tàu du lịch 16-46 phòng	"	2,00	2,00	3,00
6.3	Cơ khí mở				
-	Sản xuất vì chống thép	Tấn	22.000	23.100	25.410
7	Doanh thu	Triệu đồng	475.000	485.000	501.700
-	Sửa chữa tàu thuyền	"	30.000	31.500	34.650
-	Đóng mới tàu thuyền	"	35.000	40.500	47.750
-	Sản xuất vì chống thép	"	350.000	350.000	350.000
-	Cơ khí mở và khác	"	60.000	63.000	69.300
8	Tổng chi phí	Triệu đồng	474.500	482.500	498.700
-	Giá vốn hàng bán	"	406.475.	416.755	428.971
-	Chi phí bán hàng	"	7.125	7.275	7.816
-	Chi phí quản lý DN	"	9.200	9.700	10.034

-	Chi phí tài chính	"	26.500	28.370	29.811
-	Chi phí khác	"	23.700	20.400	22.068
9	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	500	2.500	3.000
10	Trích lập các quỹ	"	156	780	960
11	Chia cổ tức	"	234	1.170	1.440
12	Tỷ lệ cổ tức	%	1,0%	5,1 %	6,3%

4 - Biện pháp thực hiện

VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ

- Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ chủ động sắp xếp lại mô hình tổ chức hoạt động cho phù hợp với mô hình Công ty cổ phần nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động SXKD của Công ty trong những năm tiếp theo.

- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; Hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng trực tiếp tham gia SXKD; Tuyển nhân lực có đủ trình độ chuyên môn, năng lực, nhiệt tình công tác phù hợp theo ngành nghề Công ty đã, đang và sẽ hoạt động, đặc biệt trẻ hóa lực lượng lao động có kết hợp với một số cán bộ, nhân viên có trình độ, có năng lực công tác, kinh nghiệm làm việc.

- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.

- Đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV. Chính sách tiền lương, tiền thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực để CB-CNV phát huy sáng tạo trong công việc. Thường xuyên tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao đáp ứng nhu cầu tinh thần của CB-CNV trong Công ty, thực hiện đúng cam kết trong Thỏa ước lao động tập thể

- Thực hiện quản lý, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty thông qua bộ máy điều hành tập trung và sử dụng có hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý

- Ứng dụng các tiến bộ của công nghệ thông tin, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, quản lý dự án, quản lý công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán ...

Tăng doanh thu, giảm chi phí

- Mở rộng và phát triển các hoạt động SXKD dựa trên thế mạnh của Công ty; Tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các bạn hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp các tiện ích, dịch vụ gia tăng cho khách hàng.

Coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty.

- Đầu tư thay thế trang thiết bị cũ và đổi mới thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí trực tiếp đến giá thành sản phẩm, dịch vụ

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, Các sản phẩm khác phục vụ cho nhu cầu xã hội.

- Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện các định mức kinh tế - kỹ thuật ở tất cả các khâu. Coi đây là biện pháp quan trọng nhất trong quản lý các yếu tố vật liệu, nhiên liệu.

- Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện: Công tác chăm sóc bảo quản thiết bị, phương tiện được chú trọng thường xuyên, vận hành đúng quy trình kỹ thuật nhằm kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí sửa chữa.

5 - Phân tích các rủi ro dự kiến

5.1 Rủi ro về kinh tế

- Cũng như các doanh nghiệp khác hoạt động trong lĩnh vực cơ khí, đóng tàu,... sự ổn định của nền kinh tế trong nước và thế giới là điều kiện để Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin thực hiện được các mục tiêu phát triển đã đề ra

- Tuy nhiên, cùng với các chính sách kinh tế vĩ mô của chính phủ như: ưu tiên kiềm chế lạm phát, giảm lãi suất cơ bản nên trong thời gian tới khi Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin chuyển sang hoạt động mô hình công ty cổ phần sẽ hứa hẹn nhiều cơ hội ổn định và thích nghi với nền kinh tế có nhiều cạnh tranh

5.2 Rủi ro về pháp luật

- Hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, việc vận dụng các quy định của luật pháp vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay gặp nhiều khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán. Bên cạnh đó còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chồng chéo nhau

- Hoạt động của công ty sẽ chịu ảnh hưởng của các quy định khác nhau như luật doanh nghiệp, luật giao thông đường bộ, luật bảo vệ môi trường... Theo dự kiến, các sắc luật này cần có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tuy nhiên việc thay đổi này lại tạo ra các thay đổi tích cực như nó tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học phù hợp với thông lệ và hệ thống luật pháp quốc tế, giúp thu hút nguồn vốn nước ngoài, thúc đẩy nền kinh tế trong nước phát triển qua đó tạo điều kiện giúp hoạt động kinh doanh của Công ty phát triển.

5.3 Rủi ro đặc thù

- Công ty là đơn vị vừa thực hiện công tác hậu cần cho ngành than vừa cung cấp sản phẩm cho các đối tác bên ngoài. Đối với nhiệm vụ hậu cần, nhiệm

vụ chính là cung cấp sản phẩm dịch vụ cho các đơn vị trong ngành nên phụ thuộc chủ yếu vào xu thế hoạt động SXKD của ngành than.

- Giá trị tài sản cố định của Công ty rất lớn nhưng được tài trợ chủ yếu bằng nguồn vay và nguồn vốn đi chiếm dụng của các đơn vị khác. Do đó, Công ty phải chịu áp lực lớn về chi phí lãi vay phải trả trong giai đoạn chuyển sang công ty cổ phần. Giá trị tài sản lớn tuy nhiên hiệu quả sử dụng chưa cao, doanh thu mang lại của hoạt động đóng tàu còn thấp không tương ứng với giá trị tài sản đã đầu tư, đây là hoạt động không hiệu quả, thường xuyên bị lỗ. Rất khó khăn để có thể mang lại 6 - 7% cổ tức hàng năm cho các cổ đông.

- Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng nhiều từ chi phí của các yếu tố đầu vào (giá nguyên nhiên liệu, giá hàng hóa thương mại,...). Do đó, một sự bất ổn về giá cả nguyên vật liệu đầu vào có thể tác động mạnh đến tình hình lợi nhuận của công ty. Trong thời gian tới, khi nền kinh tế phục hồi, USD tăng giá.... Chi phí nguyên vật liệu đầu vào có thể tăng lên nó tác động không nhỏ đến tình hình kinh doanh và lợi nhuận của Công ty

- Chủ yếu do sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ cạnh tranh trong ngành (chủ yếu là các công ty tư nhân trên địa bàn hoạt động với Công ty). Cạnh tranh tất yếu dẫn tới sự giảm giá dịch vụ nhưng vẫn phải đảm bảo chất lượng để giữ uy tín với khách hàng. Do đó, Công ty cũng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi cạnh tranh.

5.4 Rủi ro của đợt chào bán

- Thị trường chứng khoán Việt Nam còn khá non trẻ, bên cạnh đó do ảnh hưởng của biến động của nền kinh tế thế giới và kinh tế đất nước trong thời gian qua dẫn tới tâm lý của các nhà đầu tư chưa thực sự ổn định. Phần đông số họ đang chờ các động thái tích cực hơn của Chính phủ và các chính sách ổn định kinh tế trong thời gian tới. Do đó làm cho tình hình giao dịch của cổ phiếu cả trên thị trường niêm yết và thị trường OTC chưa thực sự sôi nổi. Chính vì vậy việc bán cổ phần ra công chúng trong thời điểm này sẽ gặp phải một số khó khăn bất lợi nhất định.

- Đây là thời kỳ khó khăn của ngành tài chính và ngân hàng Việt Nam, nhiều cổ phiếu có giá trị thấp nhưng vẫn không thu hút được nhà đầu tư, việc đầu giá cổ phiếu của doanh nghiệp cũng sẽ gặp nhiều khó khăn do tình hình chung này.

5.5 Rủi ro khác:

Ngoài các loại rủi ro trên, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: Rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị xã hội.....

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng Sản Việt Nam phê duyệt và có Quyết định về việc chuyển Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin thành công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	3/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần ưu đãi cho CB CNV	3/2015
3	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	3/2015
4	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Phương án SXKD	4/2015
5	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Giám đốc Công ty cổ phần	4/2015
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần; in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	5/2015
7	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	5/2015
8	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị	6/2015
9	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	6/2015

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương lớn của Đảng và nhà nước ta trong quá trình Công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước. Quá trình cổ phần hóa không những khắc phục được khó khăn mà các doanh nghiệp gây gánh nặng cho ngân sách nhà nước và ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế quốc dân mà còn có khả năng tạo ra môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đây là yếu tố cơ bản để phát triển nền kinh tế thị trường

Cổ phần hóa Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin là cần thiết nhằm huy động vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để nâng cao năng lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hoạt động của Công ty.

Khi chuyển sang công ty cổ phần Công ty đăng ký là công ty con của tập đoàn với phần vốn do Tập đoàn nắm giữ tại Công ty, do nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tác động quan trọng đến dây chuyền sản xuất chính của TKV, các công ty con của TKV.

Trên đây là phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin, phương án này xây dựng theo hướng dẫn của nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ, Thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 và thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Phương án đã được sự thống nhất của toàn thể ban lãnh đạo, cán bộ công nhân viên trong Công ty với quyết tâm thực hiện phương án đã được xây dựng

Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin kính trình Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam xem xét và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa để Công ty TNHH 1TV Cơ khí Đóng tàu - Vinacomin tổ chức thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của nhà nước.

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2015

CÔNG TY TNHH 1TV CƠ KHÍ ĐÓNG TÀU - VINACOMIN

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN CÔNG TY



Nguyễn Văn Tiền

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Lê Hữu Hà